

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2020

Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Diên.

2. Ông Võ Văn Lập.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **L**, sinh năm 1999; địa chỉ: khu phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* Anh **M**, sinh năm 1989; địa chỉ: khu phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **L** trình bày: Ngày 08/02/2018 chị **L** và anh **M** đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, sau đó anh chị đi Bình Dương làm thuê. Nhưng anh chị thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn kéo dài, anh **M** có lời lẽ thô tục, nhiều lần đuổi chị **L** ra khỏi nhà nên cuộc sống không hạnh phúc. Do đó, anh chị ly thân từ tháng 9/2019 đến nay.

Chị L yêu cầu ly hôn với anh M. Chị L trình bày không có con chung; không yêu cầu cấp dưỡng khi ly hôn, không nợ chung, tài sản tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là anh M vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

** Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Anh M vắng mặt phiên tòa lần hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị L có yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh M vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên vụ án không hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh M vắng mặt phiên tòa lần hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh M.

Chị L yêu cầu ly hôn với anh M, không yêu cầu giải quyết các vấn đề khác nên xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn*”.

[2] Về nội dung vụ án: Năm 2018 chị L và anh M đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh chị thường xuyên cự cãi, xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tổ chức hòa giải nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng anh M không có thiện chí, không đến dự hòa giải nên vụ án không hòa giải được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh M.

[3] Chị L trình bày không có con chung, không yêu cầu cấp dưỡng khi ly hôn; không nợ chung, tài sản tự thỏa thuận. Anh M không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 147, 207, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh M. Chị L được ly hôn với anh M.

2- Án phí sơ thẩm: Chị L chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006238 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

3- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kiều Diễm